TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2020/DS - PT
Ngày: 01/6/2020
V/v hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2020/TLPT- DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS – ST ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 161/2020/QĐ – PT ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp 3, xã SP, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thanh H, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 3, xã SP, huyện GT, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1955.

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp 8, xã SP, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn : Ông Lưu Hồng ph, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 367A, ấp NA, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người làm chứng do nguyên đơn triệu tập:*

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp 8, xã SP, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp 8, xã SP, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp 3, xã SP, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Phạm Thị Rồi, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp 2, xã SP, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Võ Kim C, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp 3, xã SP, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị B trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị Tr là hàng xóm, quen biết với nhau đã lâu nên bà có tham gia chơi hụi do bà Trlàm chủ gồm các dây hụi. Cụ thể như sau:

- Hụi 300.000đ, khui ngày 25/3/2017 âm lịch có 26 phần, bà tham gia 3 dây (trong danh sách hụi ghi tên là 2 Hựu), mãn ngày 25/3/2019 âm lịch:

+ Dây 1 bà tham gia 3 phần;

+ Dây 2 bà tham gia 1 phần;

+ Dây 3 bà tham gia 3 phần;

Tổng cộng là 7 phần, bà đã đóng được 22 tháng với số tiền là 33.110.000đ, tất cả là hụi sống. Đến ngày 25/12/2018 âm lịch bà Trtuyên bố bể hụi nên bà không đóng hụi nữa.

- Hụi 300.000đ, khui ngày 25/5/2017 âm lịch có 28 phần, mãn ngày 25/7/2019 âm lịch, bà tham gia 3 dây:

+ Dây 1 bà tham gia 3 phần;

+ Dây 2 bà tham gia 3 phần;

+ Dây 3 bà tham gia 2 phần.

Tổng cộng 8 phần (trong danh sách hụi ghi tên 2 Hựu), bà đóng hụi từ ngày 25/5/2017 đến ngày 25/11/2018 là 20 tháng với số tiền 34.400.000đ. Do bà Trbể hụi nên bà không đóng nữa.

- Hụi 300.000đ khui ngày 05/3/2018 âm lịch có 26 phần, mãn ngày 05/4/2020 âm lịch, bà tham gia 5 dây, tổng cộng 5 phần, đóng được 10.750.000đ.

- Hụi 300.000đ khui ngày 10/4/2018 âm lịch có 27 phần, mãn ngày 10/6/2020 âm lịch, bà tham gia 4 dây, tổng cộng 5 phần, tất cả là hụi sống bà đã đóng được 9.675.000đ.

- Hụi 300.000đ khui ngày 10/7/2018 âm lịch có 24 phần, mãn ngày 10/6/2020 âm lịch bà tham gia 3 dây tổng cộng 10 phần, tất cả là hụi sống bà đã đóng được 12.900.000đ.

Tổng cộng số tiền hụi từ năm 2017 đến năm 2018 bà đã đóng cho bà Trlà 100.835.000đ.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian năm 2016 - 2018 bà cũng tham gia nhiều dây hụi (hiện đã mãn) do bà Tr làm chủ và bà đã hốt hụi nhưng sau khi cấn trừ các phần hụi sống, số tiền còn lại bà Trchưa giao cho bà là 80.000.000đ. Sau khi tuyên bố bể hụi vào ngày 12/5/2019, bà và bà Tr cùng nhau tổng kết tiền nợ hụi đã mãn và tiền vay là 210.000.000đ. Lúc này, vợ chồng bà Tr có hứa với bà là sau khi bán đất sẽ trả nên hai bên cũng không làm biên bản chốt nợ rõ ràng. Đối với các dây hụi chưa mãn thì hai bên chưa chốt hụi. Sau khi bán đất, vào ngày 14/5/2019 ông V xin trả trước cho các hụi viên (trong đó có bà) tiền nợ là 20% với số tiền 42.000.000đ và còn thiếu 38.000.000đ.

Cùng với việc tham gia hụi thì trong năm 2018 bà Trcó mượn của bà nhiều lần với tổng số tiền là 130.000.000đ, cụ thể:

- Ngày 16/2/2018 mượn 20.000.000đ;

- Ngày 10/3/2018 mượn 40.000.000đ;

- Ngày 28/4/2018 mượn 20.000.000đ;

- Ngày 16/6/2018 mượn 20.000.000đ;

- Lần cuối cùng bà không nhớ rõ thời gian bà Trmượn của bà là 10.000.000đ.

Mỗi lần mượn không có làm biên nhận nợ, không lãi suất. Mục đích mượn là để bà Trchàn hụi do các hụi viên không đóng hụi chết và lo chi tiêu cho gia đình. Lúc mượn bà Trnói mượn đỡ vài ngày sẽ trả nhưng sau đó bà đã nhiều lần yêu cầu mà bà

Trkhông trả. Đến ngày 17/02/2019, bà và Trắng cùng nhau tổng kết lại số tiền bà Trđã mượn của bà là 130.000.000đ. Ngày này, con của bà là Võ Thanh H có viết một tờ giấy tay với nội dung bà Trcó vay của bà B số tiền 130.000.000đ, bà Trcó ghi dòng chữ "Bờ 130.000.000" vào giấy tay này và hứa bán đất sẽ trả nhưng vẫn không trả.

Như vậy tổng cộng các khoản tiền hụi và vay bà Trắng, ông V còn nợ bà là 268.835.000đ. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trvà ông V liên đới trả cho bà số tiền nêu trên, bà không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai ngày 05/7/2019 của bị đơn bà Nguyễn Thị Tr, biên bản hòa giải ngày 15/7/2019, các lời khai có trong hồ sơ người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lưu Hồng ph trình bày:

Từ năm 2016 bà Trcó làm chủ hụi và tổ chức nhiều dây hụi khác nhau. Do là hàng xóm quen biết với nhau nên lúc tổ chức chơi hụi và giao tiền hụi cho các hụi viên đều không có làm giấy tờ. Bà Nguyễn Thị B có tham gia một số dây hụi (không nhớ rõ là bao nhiêu) bắt đầu từ năm 2016 đến tháng 7/2018 thì không còn nữa. Trong quá trình chơi hụi có một số hụi viên đã hốt hụi và không đóng hụi chết nên bà Trmất khả năng thanh toán phải bán đất để trả tiền cho các hụi viên (trong đó có bà B). Sau khi bể hụi giữa bà Trvà bà B có cùng nhau tổng kết tiền nợ hụi bà Trcòn thiếu của bà B, lần chốt hụi này là chốt cho những dây hụi bà B đang tham gia mà chưa hốt được do bể hụi. Vào ngày 12/5/2019 bà Trđã thanh toán xong số tiền hụi nợ cho bà B, lần cuối cùng bà Trđã trả cho bà B 42.000.000đ. Còn những dây hụi trước đây bà B tham gia thì sau khi hụi mãn từ 5 đến 7 ngày, bà Trđã thanh toán xong cho bà B. Từ đó giữa bà Trvà bà B không còn nợ gì tiền hụi với nhau.

Đối với việc bà B cho rằng bà Trcó vay tiền của bà B và còn nợ 130.000.000đ thì bà Trkhẳng định là không có sự việc này vì lúc trước bà Trcó mượn tiền của bà B mỗi lần 10.000.000đ đến 20.000.000đ (tổng cộng số tiền là bao nhiêu thì bà Trkhông nhớ rõ) nhưng sau vài ngày thì bà Trđã trả đủ. Đối với các giấy nợ mà bà B cung cấp thì bà Trkhông đồng ý vì đây không phải là chữ viết, chữ ký của bà Trắng. Mặc dù Tòa án đã giải thích về quyền yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký nhưng bà Trcho rằng đây không phải là chữ viết của bà nên không yêu cầu giám định.

Do yêu cầu khởi kiện của bà B là không có căn cứ nên bà Trkhông đồng ý.

Tại phiên tòa, ông Phúc trình bày: Sau khi tổng kết lại bà Trcho rằng từ năm 2017 bà B có tham gia chơi hụi do bà làm chủ gồm 05 dây, cụ thể như sau:

- Hụi 300.000đ khui ngày 25/3/2017 âm lịch bà B tham gia 3 dây, 7 phần, bình quân mỗi lần đóng hụi là 200.000đ, bà B đóng được 22 tháng thành tiền là 30.800.000đ.

- Hụi 300.000đ khui ngày 25/5/2017 âm lịch bà B tham gia 3 dây, 8 phần, bình quân mỗi lần đóng hụi là 200.000đ, bà B đóng được 20 tháng thành tiền là 32.000.000đ.

- Hụi 300.000đ khui ngày 05/3/2018 âm lịch bà B tham gia 5 dây, 5 phần, bình quân mỗi lần đóng hụi là 200.000đ, bà B đóng được 22 tháng thành tiền là 9.000.000đ.

- Hụi 300.000đ khui ngày 10/4/2018 âm lịch bà B tham gia 4 dây, 5 phần, bình quân mỗi lần đóng hụi là 200.000đ, bà B đóng được 8 tháng thành tiền là 8.000.000đ.

- Hụi 300.000đ khui ngày 10/7/2018 âm lịch bà B tham gia 3 dây, 10 phần, bình quân mỗi lần đóng hụi là 200.000đ, bà B đóng được 5 tháng thành tiền là 10.000.000đ.

Tổng cộng các phần hụi bà B tham gia và đã đóng cho bà Trvới số tiền là 89.000.000đ. Tuy nhiên, sau khi bể hụi bà Trvà ông V đã bán phần đất riêng của ông V để thanh toán nợ hụi cho bà B vào ngày 14/5/2019 là 42.000.000đ. Từ đó đến nay do hoàn cảnh khó khăn nên bà Trvẫn còn nợ của bà B 47.000.000đ. Và hiện tại bà Trvẫn đồng ý trả số tiền này cho bà B.

Đối với số tiền hụi đã mãn là 80.000.000đ, bà B yêu cầu bà Trtrả là hoàn toàn không có nên bà Trkhông đồng ý.

Đối với số tiền vay theo giấy mượn tiền ngày 17/02/2019 với số tiền 130.000.000đ theo yêu cầu của bà B là không có nên bà Trkhông đồng ý.

Theo bản tự khai ngày 15/7/2019 của bị đơn ông Nguyễn Văn V, biên bản hòa giải ngày 15/7/2019, các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lưu Hồng ph trình bày:

Ông V là chồng của bà Nguyễn Thị Tr, ông V không biết gì về việc chơi hụi và vay mượn tiền giữa bà Trvà bà B. Ông chỉ biết bà Trcó làm chủ hụi từ năm 2016 nhưng ông không trực tiếp tham gia. Đối với yêu cầu của bà B cho rằng ông V (chồng bà Trắng) có biết việc chơi hụi và vay của bà Trnên yêu cầu ông V cùng liên đới trả 268.835.000đ thì ông V không đồng ý vì hiện tại bà Trtuy là vợ hợp pháp của ông V nhưng việc bà Trvà bà B có tham gia chơi hụi hay không thì ông V hoàn toàn không biết. Do là vợ chồng nên sau khi bà Trbị bể hụi ông V đã tự nguyện chuyển nhượng phần đất là tài sản riêng của mình để chi trả cho các hụi viên, trong đó có bà B là 42.000.000đ. Việc vay tiền ông V cũng không biết vì ông không có ký tên vào bất kỳ giấy nợ nào của bà B. Hơn nữa ông V là thương binh, có đất vườn canh tác, có nguồn thu nhập ổn định nên không liên quan gì đến việc hụi hay vay tiền với bà B. Nay theo xác nhận của bà Trlà còn nợ của bà B 47.000.000đ tiền hụi thì ông V cho

rằng ông không có liên quan gì trong việc chơi hụi của bà Trnên ông không đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng bà Trtrả số tiền này cho bà B.

Tại phiên tòa bà Hằng trình bày: Thực tế 5 dây hụi đang tham gia chưa mãn nhưng do bà Trtuyên bố bể hụi và trong thời gian tham gia hụi bà B đã đóng cho bà Trlà 100.835.000đ nhưng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Trđã thừa nhận và cho rằng bà B chỉ đóng cho bà Trlà 89.000.000đ thì bà B cũng thống nhất với số tiền 89.000.000đ và yêu cầu bà Trcùng ông V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền này.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS – ST ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã tuyên:

Căn cứ vào các Điều 280, 288, 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự, Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền hụi và vay là 257.000.000 (Hai trăm năm mươi bảy triệu) đồng.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/01/2020, bị đơn Nguyễn Thị Tr và Nguyễn Văn V kháng cáo. Bà Trkháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bà cho rằng không có cơ sở để buộc bà trả số tiền mãn hụi là 80.000.000 đồng và bà không vay số tiền 130.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn rút một phần kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận việc bà Trcó vay bà B số tiền 130.000.000 đồng nên rút lại nội dung kháng cáo này. Đối với số tiền mãn hụi là 80.000.000 đồng thì bị đơn không đồng ý. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, hai bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần đối với số tiền vay là

130.000.000 đồng do bị đơn thừa nhận số tiền này và rút kháng cáo. Đối với nội dung kháng cáo còn lại do bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Văn V liên đới trả cho bà số tiền hụi đã mãn, số tiền hụi chưa mãn và tiền vay tổng cộng là 257.000.000 đồng. Bà Trvà ông V không đồng ý với yêu cầu của bà B. Bà Trcho rằng đã trả hết nợ của số tiền hụi đã mãn là 80.000.000 đồng và bà không vay bà B số tiền 130.000.000 đồng. Ông V không đồng ý liên đới trả nợ cho bà B.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận việc bà Trcó vay bà B số tiền 130.000.000 đồng nên rút lại nội dung kháng cáo này. Căn cứ vào khoản 1, Điều 312 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tr đối với số tiền vay là 130.000.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bà Trđối với các dây hụi đã mãn với số tiền là 80.000.000 đồng:

Bà B cho rằng vào ngày 12/5/2019 bà B và bà Trcùng nhau tổng kết hụi đã mãn là 80.000.000 đồng và tiền vay là 130.000.000 đồng nhưng hai bên không làm biên bản chốt nợ. Sau khi bán đất, ngày 14/5/2019 ông V trả trước cho bà B 20% số tiền nợ là 42.000.000 đồng. Phía bị đơn cho rằng bà Trđã thanh toán xong số tiền nợ hụi cho bà B, lần cuối cùng bà Trđã trả cho bà B số tiền 42.000.000 đồng vào ngày 12/5/2019. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người làm chứng là bà Nguyễn Thị Phượng, bà Nguyễn Thị Dung, bà Nguyễn Thị Thẩm, bà Phan Thị Rồi, bà Võ Kim Chi có lời trình bày các bà có chứng kiến bà B và bà Trchốt hụi đã mãn với số tiền 80.000.000 đồng. Đồng thời, những người làm chứng có tham gia chơi hụi cùng với bà B do bà Trlàm chủ hụi, ngày 14/5/2019 ông V có thanh toán cho các hụi viên 20% của số tiền nợ trong đó có thanh toán cho bà B số tiền 42.000.000 đồng. Như vậy, lời trình bày của bà B là có căn cứ và phù hợp với lời khai của người làm chứng. Số tiền 42.000.000 đồng mà bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn là tương đương với 20% của số tiền 210.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ để xác định số tiền mãn hụi bà Trcòn nợ bà B là 80.000.000 đồng. Các bên đương sự đều thừa nhận ông V đã thanh toán cho bà B 42.000.000 đồng, nên số tiền hụi đã mãn mà bà Trcòn nợ bà B là 38.000.000 đồng (80.000.000đ – 42.000.000đ).

[4] Bản án sơ thẩm nhận định số tiền hụi đã mãn là 80.000.000 đồng, ông V có trả cho bà B số tiền 42.000.000 đồng nhưng lại không khấu trừ số tiền đã trả và giữ nguyên số tiền hụi mà bà Trphải trả cho bà B là 80.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự thống nhất thừa nhận số tiền của 5 dây hụi chưa mãn là 89.000.000 đồng nhưng bản án sơ thẩm lại khấu trừ số tiền đã trả là 42.000.000 đồng, số tiền hụi chưa mãn là 47.000.000 đồng là không phù hợp. Mặc dù bản án sơ thẩm khấu trừ số nợ đã trả không phù hợp với từng khoản tiền nhưng tổng cộng số tiền còn lại mà bà Trắng, ông V phải trả cho bà B vẫn là 257.000.000 đồng (bao gồm tiền vay 130.000.000 đồng + tiền hụi chưa mãn 89.000.000 đồng + tiền hụi đã mãn 38.000.000 đồng) nên phần quyết định của bản án sơ thẩm là đúng. Bà Trkháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của ông V: Ông V không đồng ý liên đới trách nhiệm với bà Trtrả nợ cho bà Dung vì ông V cho rằng ông không trực tiếp chơi hụi. Bà Trvà ông V là vợ chồng hợp pháp, ông bà sống chung cùng nhà. Trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn có thừa nhận ông V bán đất và ngày 14/5/2019 thì ông V đã trả cho bà B một phần số tiền nợ 42.000.000 đồng. Do đó, việc ông V cho rằng ông không biết gì về việc chơi hụi giữa bà B và bà Trlà không phù hợp. Kháng cáo của ông V không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/6/2019, bản tự khai ngày 30/9/2019, biên bản hòa giải nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B yêu cầu bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Văn V liên đới trả tổng cộng số tiền là 268.835.000, trong đó số tiền hụi chưa mãn là 100.835.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13/01/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hụi chưa mãn là 89.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 11.835.000 đồng (100.835.000 – 89.000.000) là thiếu sót nên cấp phúc thẩm bổ sung cho phù hợp.

[7] Kháng cáo của bà Trắng, ông V là không có căn cứ, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Trắng, ông V. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Bà Trắng, ông V là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1, Điều 312 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Văn V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS – ST ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Căn cứ vào các Điều 280, 288, 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự, Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Tr (Hai Bờ), ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi chưa mãn là 11.835.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tr đối với số tiền vay là 130.000.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền hụi và vay là 257.000.000 (Hai trăm năm mươi bảy triệu) đồng. (Bao gồm: tiền vay 130.000.000 đồng + tiền hụi chưa mãn 89.000.000 đồng + tiền hụi đã mãn 38.000.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Văn V được miễn nộp án phí.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Văn V được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA